

TỈNH ỦY THÁI NGUYÊN
TRƯỜNG CHÍNH TRỊ

*

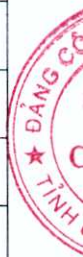
ĐẢNG CỘNG SẢN VIỆT NAM

Thái Nguyên, ngày 20 tháng 11 năm 2021

DANH SÁCH ĐIỂM THI

PHẦN II: NHỮNG VẤN ĐỀ CƠ BẢN VỀ ĐẢNG CỘNG SẢN
VÀ LỊCH SỬ ĐẢNG CỘNG SẢN VIỆT NAM
LỚP TCLLCT-HC HỆ KHÔNG TẬP TRUNG KHÓA 6, TẠI ĐUK CÁC CƠ QUAN TỈNH

STT	Họ và tên	Số BD	Số phách	Điểm thi	Bằng chữ	Ghi chú
1	Triệu Thị Hương Anh	1	39	7,0	Bảy	
2	Nguyễn Thị Hoàng Anh	2	15	8,0	Tám	
3	Ngô Tuấn Anh	3	54	7,0	Bảy	
4	Vũ Thị Ánh	4	20	7,0	Bảy	
5	Dương Tiến Ban	5	35	7,5	Bảy rưỡi	
6	Đỗ Thị Bẩy	6	11	7,0	Bảy	
7	Lý Văn Chiến	7	08	7,5	Bảy rưỡi	
8	Nguyễn Thị Chinh	8	56	8,0	Tám	
9	Nguyễn Quang Chinh	9	17	7,0	Bảy	
10	Nguyễn Hồng Chuyên	10	75	7,0	Bảy	
11	Hoàng Ngọc Chuyên	11	77	7,0	Bảy	
12	Phạm Thành Công	12	05	8,0	Tám	
13	Nguyễn Thị Bích Dung	13	45	7,5	Bảy rưỡi	
14	Đoàn Hải Duy	14	63	7,0	Bảy	
15	Trần Thị Duyên	15	30	7,5	Bảy rưỡi	
16	Phạm Đức Dũng	16	21	7,0	Bảy	
17	Đào Minh Dũng	17	31	7,0	Bảy	
18	Trần Trung Dũng	18	66	7,0	Bảy	
19	Nguyễn Xuân Đạt	19	64	7,0	Bảy	
20	Đào Hương Giang	20	36	8,0	Tám	



STT	Họ và tên	Số BD	Số phách	Điểm thi	Bằng chữ	Ghi chú
21	Đặng Thu Giang	21	65	7,0	Bảy	
22	Nguyễn Thị Thanh Hải	22	59	7,0	Bảy	
23	Phạm Thị Thu Hằng	23	16	8,0	Tám	
24	Nguyễn Thị Minh Hằng	24	38	8,0	Tám	
25	Nguyễn Thị Thu Hằng	25	76	7,0	Bảy	
26	Nguyễn Thị Thúy Hằng	26	33	8,0	Tám	
27	Vũ Thị Hào	27	72	8,0	Tám	
28	Nguyễn Thị Phương Hào	28	34	7,5	Bảy rưỡi	
29	Phạm Thu Hiền	29	44	7,5	Bảy rưỡi	
30	Nguyễn Thị Thu Hiền	30	70	7,0	Bảy	
31	Phạm Sỹ Hiệp	31	06	8,0	Tám	
32	Phạm Thị Mai Hoa	32	49	7,0	Bảy	
33	Hoàng Thị Hoa	33	71	8,0	Tám	
34	Nguyễn Văn Hòa	34	32	7,5	Bảy rưỡi	
35	Phạm Thế Hoàng	35	03	7,5	Bảy rưỡi	
36	Nguyễn Việt Hùng	36	43	7,0	Bảy	
37	Nguyễn Tuấn Hùng	37	51	7,0	Bảy	
38	Đoàn Tuấn Hưng	38	07	7,5	Bảy rưỡi	
39	Ngô Quốc Huy	39	50	7,0	Bảy	
40	Vũ Quang Huy	40	52	7,0	Bảy	
41	Phạm Thị Thanh Huyền	41	69	7,0	Bảy	
42	Nguyễn Thị Thu Huyền	42	26	7,5	Bảy rưỡi	
43	Nguyễn Thị Thu Huyền	43	41	7,0	Bảy	
44	Trần Duy Khánh	44	57	7,5	Bảy rưỡi	
45	Ngô Thượng Kỷ	45	78	6,5	Sáu rưỡi	
46	Đỗ Thị Bích Lan	46	29	7,5	Bảy rưỡi	
47	Nguyễn Thanh Lâm	47	23	6,5	Sáu rưỡi	

STT	Họ và tên	Số BD	Số phách	Điểm thi	Bằng chữ	Ghi chú
48	Dương Thị Linh	48	18	8,0	Tám	
49	Nguyễn Thành Luân	49	01	7,0	Bảy	
50	Trương Đức Mạnh	50	55	7,0	Bảy	
51	Nguyễn Nhật Minh	51	85	7,5	Bảy rưỡi	
52	Cam Thị Thanh Nga	52	79	7,0	Bảy	
53	Tổng Bá Ngân	53	61	7,0	Bảy	
54	Trần Phúc Nguyên	54	81	7,0	Bảy	
55	Hoàng Thanh Phong	55	-	-	-	Vắng thi
56	Nguyễn Mai Phương	56	47	7,5	Bảy rưỡi	
57	Lê Thị Thu Phương	57	40	8,0	Tám	
58	Nguyễn Đức Quang	58	19	7,0	Bảy	
59	Nguyễn Đức Quân	59	82	7,0	Bảy	
60	Trần Minh Quý	60	13	7,0	Bảy	
61	Vũ Đình Quyên	61	58	7,0	Bảy	
62	Đặng Ngọc Tâm	62	62	7,0	Bảy	
63	Phan Thị Thanh Tâm	63	37	8,0	Tám	
64	Lương Văn Thái	64	27	7,0	Bảy	
65	Đỗ Văn Thanh	65	68	7,0	Bảy	
66	Nguyễn Thái Thanh	66	12	8,0	Tám	
67	Triệu Đức Thành	67	04	7,5	Bảy rưỡi	
68	Lâm Kim Thành	68	53	8,0	Tám	
69	Trần Thị Minh Thư	69	74	7,0	Bảy	
70	Triệu Thế Thuần	70	67	7,0	Bảy	
71	Hà Thị Hồng Thúy	71	02	7,5	Bảy rưỡi	
72	Phạm Thu Trà	72	84	7,5	Bảy rưỡi	
73	Nguyễn Thị Hồng Trang	73	48	7,5	Bảy rưỡi	
74	Lương Thị Thu Trang	74	60	7,0	Bảy	

STT	Họ và tên	Số BD	Số phách	Điểm thi	Bảng chữ	Ghi chú
75	Nguyễn Mạnh Tú	75	14	7,0	Bảy	
76	Nguyễn Hoàng Tuấn	76	28	7,0	Bảy	
77	Đào Anh Tuấn	77	24	7,0	Bảy	
78	Phạm Mạnh Tuấn	78	25	7,0	Bảy	
79	Phan Đức Tùng	79	73	7,0	Bảy	
80	Nguyễn Thị Hải Vân	80	09	7,0	Bảy	
81	Ninh Hùng Vĩ	81	10	7,0	Bảy	
82	Phan Vũ	82	83	7,0	Bảy	
83	Trần Thị Hải Yến	83	80	7,0	Bảy	
84	Nguyễn Mạnh Hùng	84	22	6,5	Sáu rưỡi	
85	Hoàng Thị Mỹ Hạnh	85	42	8,0	Tám	Phần III.1-K54KTT
86	Lê Thanh Nguyên	86	46	7,0	Bảy	Phần III.1-K54KTT

**PHÒNG QLĐT&NCKH
TRƯỞNG PHÒNG**



Nguyễn Thị Hồng Mây

**KHOA XÂY DỰNG ĐẢNG
TRƯỞNG KHOA**



Ngô Thị Hồng Nhung

**K/T HIỆU TRƯỞNG
PHÓ HIỆU TRƯỞNG**



Phạm Minh Chuyên